

*Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2012**

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám Đốc	03 - 04
Báo cáo Kiểm toán	05 - 06
Báo cáo tài chính	
1 - Bảng cân đối kế toán	07 - 10
2 - Kết quả hoạt động kinh doanh	11 - 11
3 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 12
4 - Thuyết minh Báo cáo tài chính	13 - 41

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn Liên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Viễn Liên được thành lập theo Giấy phép thành lập Công ty số 223/GP ngày 02 tháng 3 năm 1993 do Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059051 ngày 05 tháng 3 năm 1993, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 04 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là mua bán sản phẩm tin học, thiết bị đầu cuối viễn thông; Sửa chữa, bảo trì các thiết bị bưu chính viễn thông, tin học, điện lạnh; Mua bán cáp, thiết bị viễn thông; Xây lắp các công trình bưu chính viễn thông; Thiết kế công trình thông tin liên lạc và bưu chính viễn thông (trạm đài thu phát, hệ thống cáp, cột anten); Đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông; Kinh doanh nhà ở; Cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh; Xây dựng công trình đường bộ; Trồng rừng; Kinh doanh khách sạn (không hoạt động tại trụ sở).

Trụ sở chính của Công ty tại 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 là **15.976.134.119 VND** ( Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 là **(19.269.379.775) VND**)  
Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2012 là **3.362.761.702 VND** (Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2011 là **(12.613.372.417) VND** )

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ngày 17/01/2013, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển đổi 50.000 (năm mươi ngàn) trái phiếu chuyển đổi thành 5.000.000 (năm triệu) cổ phiếu và các thủ tục niêm yết bổ sung, lưu ký các cổ phiếu này, nâng tổng vốn điều lệ của Công ty lên thành 144.844.680.000 VND

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:**

Ông Phạm Đình Dũng	Chủ tịch
Ông Phạm Hữu Xuân	Thành viên
Ông Huỳnh Phan Thanh Vũ	Thành viên
Ông Trần Thắng Công	Thành viên
Ông Nguyễn Cao Phong	Thành viên

**Tổng Giám đốc trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:**

Ông Phạm Đình Dũng	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

**Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau :**

Bà Phan Thị Phụng	Trưởng ban
Bà Võ Hồng Hạnh	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Kim Phụng	Ủy viên

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH.**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ❖ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- ❖ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý, thận trọng.
- ❖ Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- ❖ Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Viễn Liên  
phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2012 kết thúc ngày  
31/12/2012 của Công ty

Thay mặt Hội Đồng Quản Trị  
Chủ Tịch

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2013

Số..... BCKT/TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Về Báo cáo tài chính năm 2012 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
của Công ty CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

***Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT  
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN***

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 của **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN** lập ngày 12/01/2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2012 kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày từ trang 06 đến trang 41 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Cơ sở đưa ra ý kiến của kiểm toán viên :**

Báo cáo tài chính năm 2011 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Và Kiểm Toán Nam Việt, trong đó kiểm toán viên ký báo cáo kiểm toán đã ngoại trừ khoản chia lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư giữa đơn vị và Bà Lê Mộng Huyền với số tiền được chia trong năm 2011 là 15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng của hợp đồng hợp tác đầu tư số 02/HĐKT-10 ngày 02/08/2010 và các phụ lục hợp đồng số 03-11/PL.HĐKT ngày 11/07/2011, phụ lục số 04-11/PL.HĐKT ngày 03/12/2011 được ký kết giữa Công ty CP Viễn Liên với Bà Lê Mộng Huyền, Bà Lê Mộng Huyền phải đảm bảo việc bảo toàn vốn hợp tác đầu tư với thời hạn đến hết ngày 31/12/2012. Lợi nhuận được chia tối thiểu là 16%/năm, số dư vốn hợp tác đầu tư tối đa không vượt quá 40.000.000.000 (bốn mươi tỷ) đồng. Trong năm 2011, Bà Lê Mộng Huyền đã tạm ứng cho đơn vị số tiền lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư số tiền là 15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng và đơn vị đã ghi nhận khoản tạm ứng này vào doanh thu hoạt động tài chính năm 2011.

Thực hiện chuẩn mực số 510 – Kiểm toán năm đầu tiên – Số dư đầu năm tài chính, chúng tôi đã tiến hành các thủ tục kiểm toán và thấy rằng đơn vị đã thực hiện việc điều chỉnh hồi tố như sau:

Trong năm 2012, căn cứ Quyết định số 3A/HĐQT ngày 05/07/2012 của Hội Đồng Quản Trị công ty CP Viễn Liên về việc điều chỉnh lại hợp đồng hợp tác kinh doanh với tỷ lệ chia lợi nhuận thay đổi còn tối thiểu là 12%/năm cho suốt quá trình đầu tư; phụ lục hợp đồng số 04-12/PL.HĐKT ngày 05/07/2012; Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/BBTLHĐKT2012 ngày 01/10/2012, hai bên thống nhất quyết toán và thanh lý hợp đồng với tổng số lãi được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư này là 7.000.000.000 (bảy tỷ) đồng (trong đó, lãi đến năm 2011 là 3.475.763.244 đồng, lãi năm 2012 là 3.524.236.756 đồng).

Chênh lệch giữa số tiền lãi đã ứng năm 2011 với số được chia theo quyết toán, Ban lãnh đạo đơn vị quyết định điều chỉnh hồi tố vào báo cáo tài chính năm 2011, ghi giảm doanh thu hoạt động tài chính, giảm khoản

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN**

Địa chỉ: 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

đầu tư, số tiền là 11.524.236.756 đồng ( chênh lệch giữa tiền lãi tạm ứng đã ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính năm 2011 là 15.000.000.000 đồng với lãi hợp tác đầu tư được quyết toán đến năm 2011 là 3.475.763.244 đồng). (Xem thêm phần thuyết minh VIII.5 – Điều chỉnh trong báo cáo tài chính năm trước do các thay đổi điều chỉnh kế toán).

**Ý kiến của kiểm toán viên :**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính của **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN** (đính kèm báo cáo kiểm toán này) đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

**Không phủ nhận về kết quả ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn nêu ra để người đọc hiểu rõ hơn khoản chênh lệch về tiền lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư đã nêu trên được thay đổi bởi cam kết giải trình về số liệu điều chỉnh của Hội đồng quản trị và Ban Giám Đốc công ty, thuyết minh tại mục VIII.5 của báo cáo tài chính đính kèm.**

TP. HCM, ngày ..... tháng ..... năm 2013

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)  
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**Đỗ Khắc Thanh  
Chứng chỉ KTV số : D0046/KTV**

**Trần Nguyễn Hoàng Mai  
Chứng chỉ KTV số : 1755/KTV**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chỉ tiêu	Mã số	T.minh	Số cuối năm	Đơn vị: VND
				Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>100.132.623.510</b>	<b>148.504.548.071</b>
<i>I Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>3.906.740.497</b>	<b>8.454.420.621</b>
1. Tiền	111		3.606.740.497	7.962.517.001
2. Các khoản tương đương tiền	112		300.000.000	491.903.620
<i>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>29.704.705.860</b>	<b>55.017.926.244</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		44.631.644.148	77.594.527.872
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(14.926.938.288)	(22.576.601.628)
<i>III Các khoản phải thu</i>	<b>130</b>	<b>V.3</b>	<b>42.991.958.221</b>	<b>66.233.958.708</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		3.188.096.815	5.651.324.374
2. Trả trước cho người bán	132		26.239.413.800	58.125.787.400
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HDXD	134		-	626.810.294
5. Các khoản phải thu khác	138		13.671.684.406	1.937.273.440
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(107.236.800)	(107.236.800)
<i>IV Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>	<b>V.4</b>	<b>21.512.070.130</b>	<b>17.210.153.563</b>
1. Hàng tồn kho	141		21.512.070.130	17.210.153.563
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<i>V Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>	<b>V.5</b>	<b>2.017.148.802</b>	<b>1.588.088.935</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		801.872.129	455.293.452
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.215.276.673	1.132.795.483

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	T.minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>84.142.732.241</b>	<b>10.296.473.917</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>66.407.732.241</b>	<b>290.351.417</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>V.6</b>	25.570.441	290.351.417
- Nguyên giá	222		1.736.523.333	2.236.642.438
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.710.952.892)	(1.946.291.021)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		66.382.161.800	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.7</b>	<b>17.735.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		17.735.000.000	10.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	<b>6.122.500</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	6.122.500
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>184.275.355.751</b>	<b>158.801.021.988</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

				Đơn vị: VND
Chỉ tiêu	Mã số	T.minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>82.613.342.424</b>	<b>70.882.082.780</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>32.513.342.424</b>	<b>20.782.082.780</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.8	18.760.000.000	7.625.000.000
2. Phải trả cho người bán	312	V.9	9.718.417.810	6.351.591.100
3. Người mua trả tiền trước	313	V.9	657.093.624	1.662.933.866
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	691.140.809	660.281.803
5. Phải trả công nhân viên	315	V.11	1.606.045.564	1.755.711.040
6. Chi phí phải trả	316	V.12	114.484.849	1.726.666.667
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	310.086.496	343.825.032
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		656.073.272	656.073.272
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>V.14</b>	<b>50.100.000.000</b>	<b>50.100.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		100.000.000	100.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	344		50.000.000.000	50.000.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	355		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	<b>V.15</b>	<b>101.662.013.327</b>	<b>87.918.939.208</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>101.662.013.327</b>	<b>87.918.939.208</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		94.844.680.000	94.844.680.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.015.044.372	5.015.044.372
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(2.233.060.000)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		672.587.253	672.587.253
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		3.362.761.702	(12.613.372.417)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>184.275.355.751</b>	<b>158.801.021.988</b>

## **CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chỉ tiêu	Đơn vị : VND	
	<u>T.minh</u>	<u>Số cuối năm</u> / <u>Số đầu năm</u>
1. Tài sản thuê ngoài		
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		
4. Nợ khó đòi đã xử lý		
5. Ngoại tệ các loại		
6. Hạn mức kinh phí còn lại		
7. Nguồn vốn khấu hao cơ bản hiện có		

Ghi chú: Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (\*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn ( ).

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2013

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### NĂM 2012

Chỉ tiêu	Mã số	T.minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	46.138.575.104	45.813.474.287
2. Các khoản giảm trừ	03	VI.2	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	46.138.575.104	45.813.474.287
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	39.167.454.595	40.106.029.643
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.971.120.509	5.707.444.644
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	9.218.409.620	7.941.251.255
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	(4.280.467.880)	28.366.958.736
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.014.578.611	230.895.764
8. Chi phí bán hàng	24		1.647.045.404	2.320.568.737
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.371.840.050	2.247.347.943
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.451.112.555	(19.286.179.517)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	160.252.661	211.138.096
12. Chi phí khác	32	VI.7	381.377.218	194.338.354
13. Lợi nhuận khác	40		(221.124.557)	16.799.742
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.229.987.998	(19.269.379.775)
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	253.853.879	-
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.976.134.119	(19.269.379.775)
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1.688	(2.032)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2013

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2012

(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Số năm nay	Số năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>16.229.987.998</b>	<b>(19.269.379.775)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	125.859.019	607.073.117
- Các khoản dự phòng	03	(7.649.663.340)	13.886.861.628
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.885.123.475)	5.764.594.889
- Chi phí lãi vay	06	<b>2.014.578.611</b>	230.895.764
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>2.835.638.813</b>	<b>1.220.045.623</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	33.826.370.967	(21.039.516.354)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(4.301.916.567)	(5.157.897.608)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	6.198.884.000	7.825.399.701
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	6.122.500	51.856.521
- Tiền lãi vay đã trả	13	<b>(6.683.266.944)</b>	(4.397.562.431)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(253.853.879)	(925.499.329)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	311.587.779	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(355.558.682)	(1.245.386.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>31.584.007.987</b>	<b>(23.668.560.277)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(66.382.161.800)	(10.273.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	160.000.000	210.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	555.000.000	3.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(21.756.575.277)	(118.644.390.129)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	36.893.803.908	73.577.903.661
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.504.414.758	18.001.008.021
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(45.025.518.411)</b>	<b>(23.365.751.447)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	(2.233.060.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	59.260.000.000	12.250.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(48.125.000.000)	(4.625.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(8.109.700)	(4.676.009.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>8.893.830.300</b>	<b>2.948.990.500</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(4.547.680.124)</b>	<b>(44.085.321.224)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>8.454.420.621</b>	<b>52.539.741.845</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>3.906.740.497</b>	<b>8.454.420.621</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2013

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** NĂM 2012

*(Thuyết minh này là bộ phận không tách rời và được đọc chung với các Báo cáo tài chính đính kèm)*

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Viễn Liên được thành lập theo Giấy phép thành lập Công ty số 223/GP ngày 02 tháng 3 năm 1993 do Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059051 ngày 05 tháng 3 năm 1993, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 04 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh : Xây dựng và dịch vụ**

#### **3. Ngành nghề kinh doanh :**

Hoạt động chính của Công ty là mua bán sản phẩm tin học, thiết bị đầu cuối viễn thông; Sửa chữa, bảo trì các thiết bị buro chính viễn thông, tin học, điện lạnh; Mua bán cáp, thiết bị viễn thông; Xây lắp các công trình buro chính viễn thông; Thiết kế công trình thông tin liên lạc và buro chính viễn thông (trạm đài thu phát, hệ thống cáp, cột anten); Đại lý dịch vụ buro chính viễn thông; Kinh doanh nhà ở; Cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh; Xây dựng công trình đường bộ; Trồng rừng; Kinh doanh khách sạn (không hoạt động tại trụ sở).

#### **4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:**

Trong năm 2012, Công ty có hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán (do bán cổ phiếu) với số tiền 15.689.478.340 VND.

### **II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :**

#### **1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng :**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư 244/2009/TT0-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư, văn bản hướng dẫn bổ sung..

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi qui định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán đang áp dụng.

#### **3. Hình thức kế toán áp dụng :**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính  
Ngôn ngữ sử dụng trong ghi chép kế toán: Tiếng Việt Nam

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền :**

Các nghiệp vụ kinh tế được ghi nhận bằng Đồng Việt Nam.

Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

## **2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ, là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Trong năm 2012, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

## **3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo qui định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc thiết bị	02 - 04 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm

## **4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư ngắn hạn giảm xuống thấp hơn giá gốc công ty lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là các khoản đầu tư ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là các khoản đầu tư dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay :**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện qui định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

#### **6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước:**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí thực tế phát sinh không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Trong năm 2012, công ty có phát sinh các khoản chi phí phải trả sau:

- Lãi trái phiếu: Căn cứ theo mệnh giá và lãi suất trái phiếu
- Phải trả chi phí lãi vay: Căn cứ ước tính theo hợp đồng vay ngắn hạn và số dư nợ gốc vay.
- Phải trả phí kiểm toán: Căn cứ theo hợp đồng kiểm toán.

#### **8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 18 "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".

Phương pháp ghi nhận dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

Trong năm 2012, công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến các khoản dự phòng phải trả.

**9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :**

**a. Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:**

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu;

+ Thặng dư vốn cổ phần: được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ;

+ Vốn khác của chủ sở hữu: được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà công ty được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu, sau khi trừ (-) khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này.

**b. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản:**

Tại công ty không phát sinh nghiệp vụ đánh giá lại tài sản.

**c. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái:**

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong công ty năm 2012 được thực hiện theo quy định của Thông tư 179/TT-BTC ngày 24/10/2012 do Bộ Tài Chính ban hành.

Trong năm 2012, Công ty không phát sinh các nghiệp vụ về chênh lệch tỷ giá hối đoái.

**d. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :**

*Doanh thu bán hàng :*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau :

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Công ty thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

*Doanh thu cung cấp dịch vụ :*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau :



- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá tỷ lệ công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau :

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó ;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Phần công việc hoàn thành của hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành/ hoặc theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của hợp đồng.

### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

### **13. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái**

Trong năm, Công ty chưa sử dụng bất cứ công cụ nào để dự phòng rủi ro hối đoái.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tiền mặt tại quỹ (a)</b>	<b>241.736.158</b>	<b>611.149.097</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng (b)</b>	<b>2.602.004.339</b>	<b>7.351.367.904</b>
- Ngân hàng TMCP Á Châu	1.049.463	1.023.807
- Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - PGD Phú Quốc	1.509.751	
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank)- Chi nhánh Sài Gòn	933.638	1.015.071.057
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải VN-CN HCM - VND	1.952.407.900	4.696.008.766
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Nam Sài Gòn	245.855.661	1.299.659.878
- Tiền gửi khác (c)	1.163.247.926	339.604.396
<b>Tiền đang chuyển (d)</b>	<b>763.000.000</b>	-
<b>Các khoản tương đương tiền (e)</b>	<b>300.000.000</b>	<b>491.903.620</b>
<b>Tổng</b>	<b>3.906.740.497</b>	<b>8.454.420.621</b>

(a) Số liệu tiền mặt được trình bày tại phần thuyết minh này căn cứ vào sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tài khoản vào ngày 31/12/2012

(b) Số dư tiền gửi ngân hàng tại thời điểm 31/12/2012 phù hợp giữa sổ kế toán chi tiết của Công ty với sổ phụ các Ngân hàng giao dịch.

(c) Tiền gửi trong tài khoản đầu tư chứng khoán, được mở tại Công ty CP Chứng Khoán Đệ Nhất, được hưởng lãi suất không kỳ hạn như tiền gửi ngân hàng

(d) Tiền giao dịch chứng khoán đang về tại ngày 31/12/2012 được xác nhận bởi Công ty CP Chứng khoán Đệ Nhất.

(e) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Hàng Hải VN-CN HCM, lãi suất tiền gửi 8%/năm để ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

<b>Chỉ tiêu</b>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>44.631.644.148</b>	<b>77.594.527.872</b>
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (a)	44.186.644.148	50.583.989.628
- Đầu tư ngắn hạn khác (b)	445.000.000	27.010.538.244
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn (c)	(14.926.938.288)	(22.576.601.628)
<b>Tổng</b>	<b>29.704.705.860</b>	<b>55.017.926.244</b>

**(a): Chi tiết đầu tư chứng khoán ngắn hạn:**

<b>Đối tượng</b>	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>Số tiền</b>
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI)(*)	1.795.070	44.186.579.288	1.735.070	43.649.530.860
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam (EIB)	5	64.860	55.030	907.995.000
Công ty CP Chứng Khoán VNDIRECT			500.000	6.026.463.768
<b>Cộng</b>		<b>44.186.644.148</b>		<b>50.583.989.628</b>

(\*): Chứng khoán này đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng Indovina- Chi nhánh Chợ Lớn và tại Công ty CP Chứng Khoán Đệ Nhất – CN Tp. Hồ Chí Minh.

**(b). Chi tiết số dư đầu tư ngắn hạn khác**

<b>Đối tượng</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Ông Nguyễn Văn Dỡn (@)	445.000.000	1.000.000.000
Bà Lê Mộng Huyền (@@)		26.010.538.244
<b>Cộng</b>	<b>445.000.000</b>	<b>27.010.538.244</b>

@: Cho Ông Nguyễn Văn Dỡn (không phải thành viên của Công ty) vay theo hợp đồng 03/2012/HĐTD-VL, lãi suất cho vay 17%/năm

@@: Số dư hợp tác đầu tư đầu năm của Bà Lê Mộng Huyền theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/HĐKT-10 ngày 02/08/2010, phụ lục hợp đồng số 03-11/PL.HĐKT ngày 11/07/2011, phụ lục hợp đồng số 04-11/PL.HĐKT ngày 03/12/2011, phụ lục hợp đồng số 04-12/PL.HĐKT ngày 05/07/2012. Sau khi điều chỉnh hồi tố, giảm lãi hợp tác đầu tư năm 2011 làm giảm số dư tiền hợp tác kinh doanh đầu năm 2012 so với số cuối năm 2011 trên báo cáo kiểm toán, số tiền 11.524.236.756 đồng.

Đến ngày 01/10/2012, theo Biên bản thanh lý số 02/BBTLHĐKT2012 Công ty CP Viễn Liên và Bà Lê Mộng Huyền đã tiến hành thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư này, phần vốn hợp tác đầu tư chưa hoàn trả hết chuyển sang công nợ phải thu khác (xem tại Mục e, thuyết minh số V.3), thời hạn hoàn trả: hạn chót ngày 30/06/2013. Riêng cá nhân Ông Phạm Đình Dũng, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc công ty cam kết chịu trách nhiệm thu hồi và hoàn trả khoản đầu tư này đủ và đúng thời hạn.

**(c): Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn tại ngày 31/12/2012**

<b>Đối tượng</b>	<b>Số lượng cổ phiếu/ trái phiếu</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá thị trường</b>	<b>Giá trị dự phòng (*)</b>
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn (SSI)	1.795.070	44.186.579.288	29.259.641.000	(14.926.938.288)
<b>Cộng</b>	<b>1.795.070</b>	<b>44.186.579.288</b>	<b>29.259.641.000</b>	<b>(14.926.938.288)</b>

(\*) Căn cứ trích lập dự phòng là giá đóng cửa của chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) tại ngày 28/12/2012.

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
a. Phải thu của khách hàng	3.188.096.815	5.651.324.374
b. Trả trước cho người bán	26.239.413.800	58.125.787.400
c. Phải thu nội bộ	-	-
d. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	626.810.294
e. Phải thu khác	13.671.684.406	1.937.273.440
f. Dự phòng phải thu khó đòi	(107.236.800)	(107.236.800)
<b>Tổng</b>	<b>42.991.958.221</b>	<b>66.233.958.708</b>

**a. Khoản phải thu khách hàng tại thời điểm 31/12/2012**

<b>Đối tượng</b>	<b>Số tiền</b>
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN - VIỄN THÔNG TPHCM	2.809.416
BỆNH VIỆN ĐA KHOA BƯU ĐIỆN	6.531.999
BỆNH VIỆN HUYỆN NHÀ BÈ	880.000
BƯU ĐIỆN TÂY NINH	22.451.000
CHỊ SANG	800
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT ĐIỆN SẢN	33.224.765
CÔNG TY TIN HỌC BƯU ĐIỆN ( NETSOFT )	714.984

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN**

Địa chỉ: 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG TY TNHH NIELSEN VIỆT NAM	1.699.500
CÔNG TY CP ĐIỆN MÁY-MÁY TÍNH-VIỄN THÔNG HỢP NHẤT	25.557.800
CÔNG TY CP TM DV PHONG VŨ	14.621.200
CÔNG TY DỊCH VỤ VIỄN THÔNG ĐÀ NẴNG	1.023.000
CÔNG TY ĐIỆN THOẠI TÂY THÀNH PHỐ	1.447.056.554
CÔNG TY ĐIỆN THOẠI ĐÔNG THÀNH PHỐ	1.413.259.731
CÔNG TY TNHH AGC	10.000.002
CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH PHÚ MỸ HƯNG	5.048.810
CÔNG TY TNHH TM - DV PHÚC CỐ	2.640.000
CỤC CHÍNH TRỊ, HẬU CẦN AN NINH I-TỔNG CỤC A.N I-BỘ C.AN	7.573.637
KHÁCH LẺ	146.021.517
KHÁCH LẺ (VĂN SỸ)	18.492.396
TRUNG TÂM ĐIỆN THOẠI NAM SÀI GÒN	8.840.404
TRUNG TÂM VIỄN THÔNG THỊ XÃ TÂY NINH	11.949.300
VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TPHCM	7.700.000
<b>CỘNG</b>	<b>3.188.096.815</b>

**b. Công nợ trả trước người bán tại ngày 31/12/2012:**

<b>Đối tượng</b>	<b>Số tiền</b>
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO TP HCM (1)	358.192.800
CÔNG TY TNHH TM DL KIÊN GIANG (2)	25.331.221.000
CÔNG TY KIẾN VIỆT (3)	550.000.000
<b>Cộng</b>	<b>26.239.413.800</b>

(1): Là tiền ứng trước để thuê đất ở Khu Công Nghệ Cao, Quận 9, Tp.HCM theo hợp đồng thuê đất số 24/HĐKT/KCNC-2008 ngày 04/02/2008

(2): Là tiền thanh toán từng lần theo hợp đồng số 01/2011/HĐ-DA 67,5ha/DLTM ngày 29/03/2011 về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc “dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu Đô Thị mới 67,5ha tại khu phố 9, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang”.

(3): Là tiền ứng trước hợp đồng số 12/HĐKT-KV09 ngày 30/11/2009 về tư vấn, quản lý, giám sát về công tác đền bù, di dời, giải tỏa mặt bằng khu vực đầu tư xây dựng dự án khu biệt thự biển cao cấp Hàm Ninh - Phú Quốc.

**e. Khoản phải thu khác tại thời điểm 31/12/2012**

<b>Chi tiết phải thu khác tại ngày 31/12/2012</b>	<b>Số tiền</b>
Lãi phải thu Công ty CP Công Nghệ Đông Dương	35.400.000
Lãi phải thu Ông Nguyễn Văn Dỡn – Hợp đồng 03/2012/HĐTD-VL	263.435.436
Phải thu Công ty Yên Linh (đã lập dự phòng phải thu khó đòi)	107.236.800
Thuế TNCN phải thu lại	5.775.648
Phải thu Lê Mộng Huyền (*)	11.705.275.000
Huỳnh Phan Thanh Vũ	1.550.303.000
Phải thu BHXH tiền trợ cấp ốm đau, thai sản	4.258.522
<b>Cộng</b>	<b>13.671.684.406</b>

(\*): Theo Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/10/2012 giữa Công ty CP Viễn Liên và Bà Lê Mộng Huyền, hai bên đã tiến hành thanh lý hợp đồng, tất toán khoản đầu tư, và ghi nhận khoản công nợ Bà Lê Mộng Huyền phải thanh toán cho Công ty là 24.061.375.000 đồng, hạn chót thanh toán dứt điểm khoản công nợ này là ngày 30/06/2013. Từ thời điểm thanh lý hợp đồng đến ngày 31/12/2012,

Bà Lê Mộng Huyền đã hoàn trả 12.356.100.000 đồng. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc Công ty cam kết chịu trách nhiệm thu hồi và hoàn trả khoản công nợ này đủ và đúng thời hạn.

Việc tính toán lãi lỗ của Hợp đồng Hợp tác kinh doanh này xem thêm tại Thuyết minh số VI.5.

**4. Hàng tồn kho**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	-	-
- Công cụ dụng cụ	-	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.842.996.424	12.129.481.855
- Thành phẩm	78.775.046	46.575.833
- Hàng hóa	3.590.298.660	5.034.095.875
- Hàng gửi bán	-	-
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
- Hàng hóa bất động sản	-	-
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>21.512.070.130</b>	<b>17.210.153.563</b>

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả : 0
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm : 0
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : không có

Tại Công ty có kiểm kê hàng hóa tồn kho vào thời điểm 31/12/2012 theo đúng qui định của Nhà nước.

<b>Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các công trình tại ngày 31/12/2012</b>	<b>Số tiền</b>
Các công trình dự án ở Phú Quốc (chủ yếu là lãi trái phiếu chuyển đổi)	10.065.896.221
Các công trình khác	7.777.100.203
<b>Cộng</b>	<b>17.842.996.424</b>

**5. Tài sản ngắn hạn khác**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-
b. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (a)	801.872.129	455.293.452
c. Các khoản thuế phải thu	-	-
d. Tài sản ngắn hạn khác (b)	1.215.276.673	1.132.795.483
<b>Tổng</b>	<b>2.017.148.802</b>	<b>1.588.088.935</b>

(a): Số dư thuế giá trị gia tăng được khấu trừ tại ngày 31/12/2012 của Công ty là số thuế giá trị gia tăng của những hóa đơn chưa được kê khai khấu trừ thuế do chưa thanh toán.

<b>(b): Chi tiết tài sản ngắn hạn khác tại 31/12/2012:</b>	<b>Số tiền</b>
<b>Tạm ứng (lương, công tác phí, thi công công trình, khác)</b>	<b>1.126.376.324</b>
<b>Ký quỹ ký cược ngắn hạn</b>	<b>88.900.349</b>
Ký quỹ bảo lãnh tại ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	76.717.349
Ký quỹ bảo lãnh tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	2.183.000
Ký quỹ thuê máy photo	10.000.000
<b>Cộng tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>1.215.276.673</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN LIÊN**

Địa chỉ: 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

**6. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
<b>1. Số dư đầu năm</b>	-	<b>1.165.369.963</b>	<b>862.686.688</b>	<b>208.585.787</b>	-	<b>2.236.642.438</b>
<b>2. Số tăng trong năm</b>	-	-	-	-	-	-
- Mua sắm mới						
- Xây dựng mới						
- Tăng khác						
<b>3. Số giảm trong năm</b>	-	-	<b>(500.119.105)</b>	-	-	<b>(500.119.105)</b>
- Thanh lý, nhượng bán			(500.119.105)			(500.119.105)
- Chuyển sang BĐS đầu tư						-
- Giảm khác						-
<b>4. Số dư cuối năm</b>	-	<b>1.165.369.963</b>	<b>362.567.583</b>	<b>208.585.787</b>	-	<b>1.736.523.333</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>1. Số dư đầu năm</b>	-	<b>1.129.173.620</b>	<b>608.531.614</b>	<b>208.585.787</b>	-	<b>1.946.291.021</b>
<b>2. Khấu hao trong năm</b>		<b>36.196.343</b>	<b>89.662.676</b>			<b>125.859.019</b>
<b>3. Giảm trong kỳ</b>	-	-	<b>(361.197.148)</b>	-	-	<b>(361.197.148)</b>
- Thanh lý, nhượng bán			(361.197.148)			(361.197.148)
- Chuyển sang BĐS đầu tư						-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>4. Số dư cuối năm</b>	-	<b>1.165.369.963</b>	<b>336.997.142</b>	<b>208.585.787</b>	-	<b>1.710.952.892</b>
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐHH</b>						
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	-	<b>36.196.343</b>	<b>254.155.074</b>	-	-	<b>290.351.417</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	-	-	<b>25.570.441</b>	-	-	<b>25.570.441</b>

Giá trị tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại công ty đến thời điểm 31/12/2012: 1.531.960.000 VND

**7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Mua sắm tài sản cố định	-	-
- Xây dựng cơ bản dở dang (*)	66.382.161.800	-
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-
<b>Tổng</b>	<b>66.382.161.800</b>	<b>-</b>

**Chi tiết xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2012 bao gồm:**

<b>Đối tượng</b>	<b>Số tiền</b>
- Tiền mua đất tại Ấp 3, xã Cửa Cạn, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	21.119.380.000
- Tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư, xây dựng Khu dân cư và biệt thự cao cấp Viễn Liên tại ấp Rạch Hàm, xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	45.262.781.800
<b>Tổng</b>	<b>66.382.161.800</b>

**8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Đầu tư vào công ty con	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (*)	17.735.000.000	10.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-	-
<b>Tổng</b>	<b>17.735.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>

(\*): Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:

<b>Đối tượng</b>	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>Số tiền</b>
Công ty Cổ Phần Thiết Kế Xây Lấp Viễn Đông (*)	1.773.500	17.735.000.000	1.000.000	10.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>17.735.000.000</b>		<b>10.000.000.000</b>

(\*): Trong năm 2012, Công ty mua thêm 773.500 cổ phiếu của Công ty Cổ Phần Thiết Kế Xây Lấp Viễn Đông với giá mua bằng mệnh giá cổ phiếu, nâng tổng vốn đầu tư vào Công ty Cổ Phần Thiết Kế Xây Lấp Viễn Đông tại thời điểm ngày 31/12/2012 đạt tỷ lệ 44,34% trên tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ Phần Thiết Kế Xây Lấp Viễn Đông.

Tại thời điểm 31/12/2012, mã cổ phiếu VDCO không có giao dịch công khai trên thị trường vốn (sàn giao dịch OTC và/hoặc UPcom) nên không tìm được giá giao dịch và theo Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán của Công ty Cổ Phần Thiết Kế Xây Lấp Viễn Đông thể hiện Công ty hoạt động kinh doanh có lãi nên không trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này.

**9. Vay và nợ ngắn hạn**

<b>Đối tượng</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Vay ngắn hạn (*)	18.760.000.000	7.625.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
<b>Tổng</b>	<b>18.760.000.000</b>	<b>7.625.000.000</b>

**(\*): Chi tiết vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2012**

<b>Đối tượng</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Lãi suất/năm</b>	<b>Thời hạn vay</b>
Ngân hàng TNHH Indovina - CN Chợ Lớn Hợp đồng 08/5TL/7273045 ngày 16/11/2012	5.260.000.000	13%	Tối đa không quá 3 tháng kể từ ngày 16/11/2012
Công ty CP Chứng Khoán Đệ Nhất - CN Tp.HCM Hợp đồng 01/HĐCCDV-2012 ngày 29/6/2012	7.500.000.000	12%	Tối đa không quá 3 tháng kể từ ngày 20/12/2012
Công ty CP Thiết Kế Xây Lắp Viễn Đông Hợp đồng 01/2012/HĐTD-VL ngày 20/6/2012	2.000.000.000	14%	3 tháng kể từ ngày 20/06/2012
Công ty CP Thiết Kế Xây Lắp Viễn Đông Hợp đồng 01/2012/HĐTD-VL ngày 02/11/2012	4.000.000.000	16%	3 tháng kể từ ngày 02/10/2012
<b>Cộng</b>	<b>18.760.000.000</b>		

**10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
a. Phải trả người bán (*)	9.718.417.810	6.351.591.100
b. Người mua trả tiền trước (**)	657.093.624	1.662.933.866
<b>Tổng</b>	<b>10.375.511.434</b>	<b>8.014.524.966</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN**

Địa chỉ: 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

**(\*): Chi tiết số dư công nợ phải trả người bán tại ngày 31/12/2012 :**

<b>Đối tượng</b>	<b>Số tiền</b>
CÔNG TY CP XD TM NAM ĐÔNG SƠN	39.998.018
CN CÔNG TY TNHH TM ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN	178.978.844
CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LINH	2.161.500
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PT SÀI GÒN HƯNG THỊNH	55.413.600
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PT TM VIỄN ĐÔNG	10.204.425
CÔNG TY CP ĐIỆN TỬ VT ÁNH DƯƠNG	1.017.500
CÔNG TY CP PHÚ AN GIA	53.746.000
CÔNG TY CP SỬA CHỮA TÀU BIỂN PHƯỚC LỘC	1.344.940.000
CÔNG TY CP TK XL VIỄN ĐÔNG	551.389.120
CÔNG TY CP TM DV QUẢNG CÁO AN HƯNG	30.820.306
CÔNG TY CP TM DV XD TÂN BẢO CHÂU	5.720.000
CÔNG TY CP TV ĐẦU TƯ TK XD KIẾN THÀNH	1.698.312.990
CÔNG TY CP VT THÁI NGÂN	432.537.600
CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ	18.880.000
CÔNG TY TNHH DV VT HƯNG VŨ	19.800.000
CÔNG TY TNHH MÃ TRẦN	15.295.500
CÔNG TY TNHH MTV TM HIỀN PHÁT	77.717.695
CÔNG TY TNHH MTV TRƯỜNG THÀNH	404.894.050
CÔNG TY TNHH NEW TOYO PULPPY(VN)	15.587.990
CÔNG TY TNHH NGUYỄN PHÚC	56.100.000
CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI TIÊN TIẾN	1.565.165
CÔNG TY TNHH SX TM DV L & H	17.485.600
CÔNG TY TNHH SX TM DV MINH HOÀNG	60.984.000
CÔNG TY TNHH SX TM DV XNK CAO ANH	141.669.000
CÔNG TY TNHH SX TM VÀ DV THIÊN THÀNH PHÚC	38.711.750
CÔNG TY TNHH THANH ĐỨC HẠNH	18.480.000
CÔNG TY TNHH TM ĐẠI HOÀNG NGUYỄN	18.920.000
CÔNG TY TNHH TM DV AN PHÚ THỊNH	1.457.702.554
CÔNG TY TNHH TM DV BÌNH THỊNH	19.149.999
CÔNG TY TNHH TM DV TÍC TẮC	27.958.462
CÔNG TY TNHH TM DV VPP TIẾN DŨNG	14.979.580
CÔNG TY TNHH TM DV XD HẢI CHÂU	1.340.029.535
CÔNG TY TNHH TM GIA PHÁT ĐẠT	122.037.080
CÔNG TY TNHH TM HOÀNG DUY KHANG	3.021.057
CÔNG TY TNHH TM SX DV TVĐT TÂN PHÚ PHÁT	13.437.600
CÔNG TY TNHH TM SX VÀ DV VẠN KHANG	192.097.400
CÔNG TY TNHH TM SX VIỆT NGUỒN	440.000
CÔNG TY TNHH TM XD ĐIỆN TRÍ DŨNG	147.422.000
CÔNG TY TNHH XD NAM TRÍ	770.000.000
CÔNG TY TNHH XD TM NAM PHAN	273.900.000
CÔNG TY TNHH YẾN THIÊN	8.325.130
HTX TM ĐỒ THÀNH	5.866.560
NGUYỄN THỊ LÀI	5.187.000
VPP LÊ KHANH	5.533.200
<b>Cộng</b>	<b>9.718.417.810</b>

**(\*\*): Chi tiết số dư công nợ người mua trả tiền trước tại ngày 31/12/2012**

<b>Đối tượng</b>	<b>Số tiền</b>
CÔNG TY ĐIỆN THOẠI ĐÔNG THÀNH PHỐ	361.893.624
PHÙNG VĂN VƯỢNG	295.200.000
<b>Cộng</b>	<b>657.093.624</b>

**11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Thuế Giá trị gia tăng	70.868.878	212.453.021
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	620.271.931	447.828.782
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất	-	-
- Tiền thuê đất	-	-
- Thuế khác	-	-
- Các khoản phí, lệ phí phải nộp khác	-	-
<b>Tổng</b>	<b>691.140.809</b>	<b>660.281.803</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**12. Phải trả công nhân viên**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Phải trả công nhân viên	392.480.464	381.138.500
Phải trả lao động khác (lương chờ quyết toán của công nhân xây lắp)	1.213.565.100	1.374.572.540
<b>Tổng</b>	<b>1.606.045.564</b>	<b>1.755.711.040</b>

**13. Chi phí phải trả**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Lãi trái phiếu phải trả	-	1.666.666.667
- Chi phí lãi vay phải trả Công ty CP Thiết Kế & Xây Lắp Viễn Động	82.666.667	-
- Phí kiểm toán	31.818.182	-
- Chi phí phải trả khác	-	60.000.000
<b>Tổng</b>	<b>114.484.849</b>	<b>1.726.666.667</b>

**14. Các khoản phải trả phải nộp khác**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Phải thu khác (số dư có)	-	-
- Kinh phí công đoàn	-	8.800.000
- Bảo hiểm xã hội	-	-
- Bảo hiểm y tế	-	16.576.166
- Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	-	-
- Các khoản phải nộp khác (*)	310.086.496	318.448.866
<b>Tổng</b>	<b>310.086.496</b>	<b>343.825.032</b>

(\*) Khoản phải trả khác tại ngày 31/12/2012 là tiền cổ tức của những năm trước phải trả cho nhà đầu tư nhưng nhà đầu tư chưa đến nhận.

**15. Nợ dài hạn**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Phải trả dài hạn người bán	-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	-	-
Phải trả dài hạn khác (*)	100.000.000	100.000.000
Vay và nợ dài hạn (**)	50.000.000.000	50.000.000.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	-	-
<b>Tổng</b>	<b>50.100.000.000</b>	<b>50.100.000.000</b>

(\*): Nhận ký quỹ của nhân viên thu cước

(\*\*) Ngày 15/08/2010, Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng như sau:

- Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000 VND/trái phiếu
- Số lượng trái phiếu phát hành: 50.000 trái phiếu (tương đương 50.000.000.000 VND trái phiếu tính theo mệnh giá)
- Lãi trái phiếu: 10%/năm
- Thời gian chuyển đổi dự kiến: 02 năm, có thể chuyển đổi trước thời hạn nhưng tối thiểu phải sau 1 năm kể từ ngày phát hành.

Ngày 17/01/2013, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển đổi 50.000 (năm mươi ngàn) trái phiếu chuyển đổi thành 5.000.000 (năm triệu) cổ phiếu và các thủ tục niêm yết bổ sung, lưu ký các cổ phiếu này, nâng tổng vốn điều lệ của Công ty lên thành 144.844.680.000 VND

## CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

### 16. Vốn chủ sở hữu

#### 16.1 Tăng, giảm vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị : VND Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>94.844.680.000</b>	<b>5.015.044.372</b>		<b>672.587.253</b>	<b>12.390.438.592</b>	<b>112.922.750.217</b>
Tăng vốn năm trước						-
Lợi nhuận năm trước (*)					(19.269.379.775)	(19.269.379.775)
Tăng khác						-
Giảm vốn năm trước						-
Phân phối lợi nhuận					(5.362.357.272)	(5.362.357.272)
Giảm khác					(372.073.962)	(372.073.962)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>94.844.680.000</b>	<b>5.015.044.372</b>		<b>672.587.253</b>	<b>(12.613.372.417)</b>	<b>87.918.939.208</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>94.844.680.000</b>	<b>5.015.044.372</b>		<b>672.587.253</b>	<b>(12.613.372.417)</b>	<b>87.918.939.208</b>
Tăng vốn năm nay						-
Lợi nhuận năm nay					15.976.134.119	15.976.134.119
Tăng khác						-
Giảm vốn năm nay (**)			(2.233.060.000)			(2.233.060.000)
Phân phối lợi nhuận						-
Giảm khác						-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>94.844.680.000</b>	<b>5.015.044.372</b>	<b>(2.233.060.000)</b>	<b>672.587.253</b>	<b>3.362.761.702</b>	<b>101.662.013.327</b>

(\*): Theo Công văn giải trình số 39/VL13 ngày 27/03/2013, sau khi thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư số 02/HDKT-10 ngày 02/08/2010 và các phụ lục giữa Công ty CP Viễn Liên với Bà Lê Mộng Huyền, căn cứ theo Biên bản thanh lý số 02/BBTLHĐKT2012 ngày 01/10/2012 và bảng quyết toán lãi hợp tác đầu tư đính kèm, Công ty CP Viễn Liên có điều chỉnh hồi tố ghi giảm một phần khoản tiền lãi hợp tác đầu tư đã ghi nhận năm 2011, số tiền là 11.705.275.000 đồng, làm giảm lợi nhuận chưa phân phối năm 2011 số tiền tương đương.

(\*\*): Tại Công văn số 4497/UBCK-QLPH ngày 14/11/2012, Công ty Cổ Phần Viễn Liên đã được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận thông qua Công ty CP Chứng Khoán Đệ Nhất thực hiện phương án mua cổ phiếu quỹ. Đến ngày 27/12/2012, Công ty CP Viễn Liên đã thực hiện mua 301.600 cổ phiếu UNI làm cổ phiếu quỹ, giá trị mua cổ phiếu quỹ là 2.233.060.000 đồng.

**16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước		
- Vốn góp của chủ sở hữu	94.844.680.000	94.844.680.000
<b>Tổng</b>	<b><u>94.844.680.000</u></b>	<b><u>94.844.680.000</u></b>

**16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

Chỉ tiêu	<u>Số cuối năm</u>	Đơn vị : VND
		<u>Số đầu năm</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	94.844.680.000	94.844.680.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	94.844.680.000	94.844.680.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia		4.742.234.000

**16.4 Cổ phiếu**

Chỉ tiêu	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký lưu hành	9.484.468	9.484.468
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.484.468	9.484.468
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.484.468	9.484.468
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu mua lại	301.600	
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	301.600	
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.182.868	9.484.468
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.182.868	9.484.468
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

**16.5 Mục đích trích lập các quỹ**

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Trong đó:	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Doanh thu tư vấn thiết kế	955.990.981	883.287.304
- Doanh thu xây dựng, dịch vụ xây lắp	34.559.347.181	25.588.551.190
- Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ khác	9.985.861.569	15.431.542.492
- Doanh thu cung cấp cáp	587.021.760	3.839.315.560
- Doanh thu dịch vụ bảo trì và bảo dưỡng cabin điện thoại	50.353.613	70.777.741
<b>Tổng</b>	<b><u>46.138.575.104</u></b>	<b><u>45.813.474.287</u></b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
+ Chiết khấu thương mại		
+ Giảm giá hàng bán		
+ Hàng bán bị trả lại		
+ Thuế GTGT phải nộp ( trực tiếp )		
+ Thuế Tiêu thụ đặc biệt		
+ Thuế xuất khẩu		
<b>Tổng</b>		

**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Trong đó:		
- Doanh thu tư vấn thiết kế	955.990.981	883.287.304
- Doanh thu xây dựng, dịch vụ xây lắp	34.559.347.181	25.588.551.190
- Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ khác	9.985.861.569	15.431.542.492
- Doanh thu cung cấp cáp	587.021.760	3.839.315.560
- Doanh thu dịch vụ bảo trì và bảo dưỡng cabin điện thoại	50.353.613	70.777.741
<b>Tổng</b>	<b>46.138.575.104</b>	<b>45.813.474.287</b>

**4. Giá vốn hàng bán**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Giá vốn tư vấn thiết kế	897.239.219	720.123.862
- Giá vốn xây dựng, dịch vụ xây lắp	29.254.038.602	22.686.849.862
- Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ khác	8.401.377.419	13.013.918.162
- Giá vốn cung cấp cáp	562.985.532	3.612.231.415
- Giá vốn dịch vụ bảo trì và bảo dưỡng cabin điện thoại	51.813.823	72.906.342
<b>Tổng</b>	<b>39.167.454.595</b>	<b>40.106.029.643</b>

**5. Doanh thu tài chính**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Lãi tiền gửi	111.387.454	1.464.479.990
- Lãi tiền cho vay	213.219.668	499.200.557
- Lãi trái phiếu chuyển đổi		262.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.968.065.650	2.222.383.696
- Lãi bán chứng khoán	2.401.500.092	17.423.768
- Doanh thu hoạt động tài chính khác - Lãi hợp tác đầu tư tài chính (*)	3.524.236.756	3.475.763.244
<b>Tổng</b>	<b>9.218.409.620</b>	<b>7.941.251.255</b>

(\*): Theo Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 01/10/2012 giữa Công ty CP Viễn Liên và Bà Lê Mộng Huyền, hai bên đã tiến hành thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư số 02/HĐKT-10 ngày 02/08/2010 và các phụ lục, tất toán khoản đầu tư, và ghi nhận khoản lãi hợp tác đầu tư cho suốt quá trình là 7.000.000.000 đồng. Theo bảng quyết toán lãi, khoản lãi thực tế từ hợp đồng hợp tác đầu tư này tính đến ngày 31/12/2011 là 3.475.763.244 đồng, lãi của năm 2012 là 3.524.236.756 đồng. Từ căn cứ đó, Công ty CP Viễn Liên đã điều chỉnh hồi tố vào số liệu báo cáo tài chính năm 2011, ghi giảm doanh thu hoạt động tài chính phân chênh lệch giữa giá trị khoản lãi đã ghi nhận năm 2011 với giá trị thực quyết toán, số tiền 11.524.236.756 đồng

**6. Chi phí tài chính**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Lãi tiền vay	2.014.578.611	230.895.764
- Lỗ do kinh doanh chứng khoán	815.951.572	12.257.027.840
- Dự phòng giảm giá/ hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(7.649.663.340)	14.746.854.175
- Chi phí tài chính khác - phí giao dịch chứng khoán	356.116.154	832.033.204

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN**

Địa chỉ: 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

- Chi phí tài chính khác - Phí chậm thanh toán	116.073.706	263.586.641
- Chi phí tài chính khác - Phí giao dịch ngân hàng	66.475.417	36.561.112
<b>Tổng</b>	<b>(4.280.467.880)</b>	<b>28.366.958.736</b>

**7. Thu nhập khác, chi phí khác**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu thanh lý tài sản cố định	160.000.000	
Thu nhập khác	252.661	211.138.096
<b>Tổng</b>	<b>160.252.661</b>	<b>211.138.096</b>

**Chi phí khác**

Chi phí thanh lý tài sản cố định	138.921.957	
Truy thu thuế TNCN	10.122.937	
Truy thu thuế GTGT	38.329.786	
Tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế	194.002.538	
Chi phí khác		194.338.354
<b>Tổng</b>	<b>381.377.218</b>	<b>194.338.354</b>

**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành****Chỉ tiêu**

<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>16.229.987.998</b>	<b>(19.269.379.775)</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>194.002.538</b>	<b>60.000.000</b>
- Tăng chi phí trích trước chưa chi		60.000.000
- Tăng tiền phạt vi phạm hành chính về thuế	194.002.538	
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>(3.028.065.650)</b>	<b>(2.222.383.696)</b>
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.968.065.650)	(2.222.383.696)
- Chi phí trích trước năm 2011 thực chi trong 6 tháng đầu năm 2012	(60.000.000)	
<b>Lợi nhuận tính thuế trước chuyển lỗ</b>	<b>13.395.924.886</b>	<b>(21.431.763.471)</b>
<b>Chuyển lỗ</b>	<b>(13.395.924.886)</b>	
<b>Lợi nhuận tính thuế sau chuyển lỗ</b>	<b>-</b>	<b>(21.431.763.471)</b>
<b>Thuế suất thuế TNDN</b>	<b>25%</b>	<b>25%</b>
Thuế TNDN phải nộp tính theo thuế suất 25%	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu sau kiểm tra quyết toán thuế	253.853.879	
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>253.853.879</b>	<b>-</b>
<b>Số lỗ còn được chuyển các năm sau</b>	<b>(8.035.838.585)</b>	<b>(21.431.763.471)</b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.976.134.119	(19.269.379.775)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.976.134.119	(19.269.379.775)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.467.011	9.484.468
<b>Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>1.688</b>	<b>(2.032)</b>

(\*): Do ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố ghi giảm khoản lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh năm 2011, số tiền 11.524.236.756 đồng, làm lợi nhuận năm 2011 của công ty giảm thêm một khoản tương ứng, ảnh hưởng lỗ cơ bản trên cổ phiếu của Công ty năm 2011 từ -817 đồng/cổ phiếu xuống thành -2.032 đồng/cổ phiếu.

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	20.049.695.237	9.862.282.368
- Chi phí nhân công trực tiếp	13.327.517.145	11.184.142.764
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	125.859.019	607.073.117
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.606.328.197	3.297.797.977
- Chi phí dịch vụ khác bằng tiền	(5.430.503.733)	12.286.040.114
<b>Cộng</b>	<b>31.678.895.865</b>	<b>37.237.336.340</b>

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ****1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

Năm 2012, Công ty Cổ Phần Viễn Liên không phát sinh các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:****2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:**

Ngày 17/01/2013, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển đổi 50.000 (năm mươi ngàn) trái phiếu chuyển đổi thành 5.000.000 (năm triệu) cổ phiếu và các thủ tục niêm yết bổ sung, lưu ký các cổ phiếu này, nâng tổng vốn điều lệ của Công ty lên thành 144.844.680.000 VND.

**3. Thông tin về các bên liên quan:****a. Các giao dịch chủ yếu với các bên có liên quan**

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Giá trị giao dịch</b>
Công ty CP Xây Lắp Thiết Kế Viễn Đông	Công ty liên kết và có cùng Chủ tịch HĐQT	Mua cổ phiếu	7.735.000.000
		Nhận cổ tức góp vốn	1.000.000.000
		Vay ngắn hạn	6.000.000.000
		Chi phí lãi vay	308.625.569
		Trả lãi vay	225.958.902
		Bán hàng hóa	18.700.000
		Nhận thanh toán tiền hàng	193.302.500
		Chi phí thi công các công trình	556.767.183
		Thanh toán tiền thi công công trình	403.072.063
		Mua hàng hóa	1.694.000
		Chi phí thuê nhà	396.000.000
		Thanh toán tiền thuê nhà	62.580.000
		Bà Lê Mộng Huyền	Cổ đông



Trả tiền hợp tác đầu tư	14.478.400.000
Trả lãi hợp tác đầu tư	3.524.236.756
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư sau thanh lý hợp đồng, chốt công nợ	12.356.000.000

**b. Các khoản nợ phải thu, phải trả tại ngày 31/12/2012 với các bên có liên quan:**

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Giá trị giao dịch</b>
Công ty CP Xây Lắp Thiết Kế Viễn Đông	Công ty liên kết và có cùng Chủ tịch HĐQT	Tiền lãi vay phải trả Phải trả vay ngắn hạn Phải trả nhà cung cấp Đầu tư vào công ty liên kết	82.666.667 6.000.000.000 551.389.120 17.735.000.000
- Ông Huỳnh Phan Thanh Vũ	Thành viên HĐQT	Phải thu khác	1.550.303.000
- Bà Lê Mộng Huyền	Cổ đông	Phải thu khác	11.705.275.000

**c. Thu nhập của Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc**

Thu nhập của Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc trong năm: 250.431.800 đồng

**4. Báo cáo bộ phận****a. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý:**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

**b. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: mua bán, dịch vụ, đại lý ký gửi, mua bán sản phẩm tin học, thiết bị đầu, cuối viễn thông.
- Lĩnh vực tư vấn, xây lắp; thiết kế, thi công công trình thông tin liên lạc và bưu chính viễn thông (trạm đài thu phát, hệ thống cáp, cột anten) ,...

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT LIÊN**

Địa chỉ: 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Kết quả kinh doanh tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và các giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Lĩnh vực thương mại</b>	<b>Lĩnh vực tư vấn xây lắp</b>	<b>Lĩnh vực đầu tư tài chính</b>	<b>Các lĩnh vực khác</b>	<b>Các khoản loại trừ</b>	<b>Cộng</b>
<b>Kỳ này</b>						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	10.572.883.329	35.565.691.775				46.138.575.104
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận						
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10.572.883.329</b>	<b>35.565.691.775</b>	-	-	-	<b>46.138.575.104</b>
Chi phí bộ phận	8.964.362.951	30.203.091.644				39.167.454.595
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.608.520.378	5.362.600.131	-	-	-	6.971.120.509
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						4.018.885.454
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						2.952.235.055
Doanh thu hoạt động tài chính			9.218.409.620			9.218.409.620
Chi phí tài chính			(4.280.467.880)			(4.280.467.880)
Thu nhập khác				160.252.661		160.252.661
Chi phí khác				381.377.218		381.377.218
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						253.853.879
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>						<b>15.976.134.119</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn						131.981.519
Tổng giá trị các khoản chi phí không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)						

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN LIÊN**

Địa chỉ: 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Lĩnh vực thương mại</b>	<b>Lĩnh vực tư vấn xây lắp</b>	<b>Lĩnh vực đầu tư tài chính</b>	<b>Các lĩnh vực khác</b>	<b>Các khoản loại trừ</b>	<b>Cộng</b>
<b>Kỳ trước</b>						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	19.270.858.052	26.542.616.235				45.813.474.287
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận						
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>						<b>45.813.474.287</b>
Chi phí bộ phận	16.626.149.577	23.479.880.066				40.106.029.643
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.644.708.475	3.062.736.169				5.707.444.644
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						4.567.916.680
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						1.139.527.964
Doanh thu hoạt động tài chính			7.941.251.255			7.941.251.255
Chi phí tài chính			28.366.958.736			28.366.958.736
Thu nhập khác				211.138.096		211.138.096
Chi phí khác				194.338.354		194.338.354
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>						<b>(19.269.379.775)</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						10.273.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn						555.216.596
Tổng giá trị các khoản chi phí không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)						

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN**

Địa chỉ: 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

**Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Lĩnh vực thương mại</b>	<b>Lĩnh vực tư vấn xây lắp</b>	<b>Lĩnh vực đầu tư tài chính</b>	<b>Các lĩnh vực khác</b>	<b>Các khoản loại trừ</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	108.915.838.074	10.393.815.887	61.083.053.815			180.392.707.776
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						3.882.647.975
<b>Tổng tài sản</b>						<b>184.275.355.751</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	59.383.944.504	2.812.097.343	18.760.000.000			80.956.041.847
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						1.657.300.577
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>82.613.342.424</b>

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Lĩnh vực thương mại</b>	<b>Lĩnh vực tư vấn xây lắp</b>	<b>Lĩnh vực đầu tư tài chính</b>	<b>Các lĩnh vực khác</b>	<b>Các khoản loại trừ</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số đầu năm</b>						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	76.937.098.814	5.080.671.708	66.785.354.812			148.803.125.334
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						9.997.896.654
<b>Tổng tài sản</b>						<b>158.801.021.988</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	50.100.000.000		9.291.666.667			59.391.666.667
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						11.490.416.113
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>70.882.082.780</b>

**5. Điều chỉnh trong báo cáo tài chính năm trước do các thay đổi điều chỉnh kế toán.**

Thực hiện chuẩn mực số 510 – Kiểm toán năm đầu tiên – Số dư đầu năm tài chính, chúng tôi đã tiến hành kiểm tra, đối chiếu số liệu so sánh giữa số liệu đầu năm nay với số liệu cuối năm trước của Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán, chúng tôi nhận thấy chênh lệch về một số chỉ tiêu tại báo cáo tài chính năm 2012 do đơn vị cung cấp so với báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2011. Theo giải trình số 39/VL13 ngày 27/03/2013 của Ban lãnh đạo đơn vị đã gửi cho chúng tôi, các chỉ tiêu chênh lệch như đã nêu trên do:

- Công ty có ký hợp đồng hợp tác đầu tư số 02/HĐKT-10 ngày 02/08/2010 và các phụ lục hợp đồng số 03-11/PL.HĐKT ngày 11/07/2011, phụ lục số 04-11/PL.HĐKT ngày 03/12/2011 với Bà Lê Mộng Huyền. Theo đó, Bà Lê Mộng Huyền phải đảm bảo việc bảo toàn vốn hợp tác đầu tư với thời hạn đến hết ngày 31/12/2012. Lợi nhuận được chia tối thiểu là 16%/năm, số dư vốn hợp tác đầu tư tối đa không vượt quá 40.000.000.000 (bốn mươi tỷ) đồng. Trong năm 2011, Bà Lê Mộng Huyền đã tạm ứng cho đơn vị số tiền lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư số tiền là 15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng và đơn vị đã ghi nhận khoản tạm ứng này vào doanh thu hoạt động tài chính năm 2011.
- Ngày 05/07/2012, Hội Đồng Quản Trị công ty có Quyết định số 3A/HĐQT ngày 05/07/2012 điều chỉnh lại hợp đồng hợp tác kinh doanh với tỷ lệ chia lợi nhuận thay đổi còn tối thiểu là 12%/năm cho suốt quá trình đầu tư. Tuy nhiên, ngày 01/10/2012, hai bên thống nhất quyết toán và thanh lý hợp đồng với tổng số lãi được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư này là 7.000.000.000 (bảy tỷ) đồng (trong đó, lãi đến năm 2011 là 3.475.763.244 đồng, lãi năm 2012 là 3.524.236.756 đồng). Chênh lệch giữa số tiền lãi đã ứng năm 2011 với số được chia theo quyết toán, Ban lãnh đạo đơn vị quyết định điều chỉnh hồi tố vào báo cáo tài chính năm 2011, ghi giảm doanh thu hoạt động tài chính, giảm khoản đầu tư, số tiền là 11.524.236.756 đồng.

Việc điều chỉnh hồi tố nói trên làm thay đổi số dư đầu kỳ của báo cáo tài chính năm 2012 so với số dư cuối kỳ của báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán của Công ty ở các khoản mục sau:

Chỉ tiêu	Số trước điều chỉnh hồi tố năm 2011	Số sau điều chỉnh hồi tố năm 2011	Chênh lệch
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			
<b>Phần tài sản</b>			
1. Đầu tư ngắn hạn	89.118.764.628	77.594.527.872	(11.524.236.756)
Đầu tư ck ngắn hạn (>3t)	50.583.989.628	50.583.989.628	-
Đầu tư ngắn hạn khác	38.534.775.000	27.010.538.244	(11.524.236.756)
<b>Phần nguồn vốn</b>			
Lợi nhuận chưa phân phối	(1.089.135.661)	(12.613.372.417)	(11.524.236.756)
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH</b>			
Doanh thu hoạt động tài chính	19.465.488.011	7.941.251.255	(11.524.236.756)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(7.761.942.761)	(19.286.179.517)	(11.524.236.756)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(7.745.143.019)	(19.269.379.775)	(11.524.236.756)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.745.143.019)	(19.269.379.775)	(11.524.236.756)
<b>Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(817)</b>	<b>(2.032)</b>	<b>(1.215)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN**

Địa chỉ: 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ</b>			
Lợi nhuận trước thuế	(7.745.143.019)	(19.269.379.775)	(11.524.236.756)
Điều chỉnh cho các khoản			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(5.759.641.867)	5.764.594.889	11.524.236.756

**6. Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở Công ty vẫn sẽ tiếp tục hoạt động trong vòng 12 tháng kế tiếp.

**7. Những thông tin khác****7.1 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của công ty

	Giá trị sổ sách		Giá trị dự phòng		Giá trị hợp lý	
	Ngày	Ngày	Ngày	Ngày	Ngày	Ngày
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
<b>Tài sản tài chính</b>						
Đầu tư tài chính ngắn hạn	44.631.644.148	77.594.527.872	14.926.938.288	22.576.601.628	29.704.705.860	55.017.926.244
Đầu tư tài chính dài hạn	17.735.000.000	10.000.000.000			17.735.000.000	10.000.000.000
Phải thu khách hàng	3.188.096.815	5.651.324.374			3.188.096.815	5.651.324.374
Phải thu khác	14.798.060.730	3.403.304.771	107.236.800	107.236.800	14.690.823.930	3.296.067.971
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.906.740.497	8.454.420.621			3.906.740.497	8.454.420.621
<b>Cộng</b>	<b>84.259.542.190</b>	<b>105.103.577.638</b>	<b>15.034.175.088</b>	<b>22.683.838.428</b>	<b>69.225.367.102</b>	<b>82.419.739.210</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
Vay và nợ	68.760.000.000	57.625.000.000			68.760.000.000	57.625.000.000
Phải trả cho người bán	9.718.417.810	6.351.591.100			9.718.417.810	6.351.591.100
Các khoản phải trả khác	1.215.712.154	2.830.773.502			1.215.712.154	2.830.773.502
<b>Cộng</b>	<b>79.694.129.964</b>	<b>66.807.364.602</b>			<b>79.694.129.964</b>	<b>66.807.364.602</b>

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31/12/2012).

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn chưa niêm yết: Tại thời điểm 31/12/2012, mã cổ phiếu VDCC không có giao dịch công khai trên thị trường vốn (sàn giao dịch OTC và/hoặc UPcom) nên không

tìm được giá giao dịch và theo Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán của Công ty Cổ Phần Thiết Kế Xây Lấp Viễn Đông thể hiện Công ty hoạt động kinh doanh có lãi nên không trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này.

Giá trị hợp lý của khoản phải thu khách hàng được ước tính theo tuổi nợ và khả năng có thể thu hồi được, theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Giá trị hợp lý của khoản phải thu khác được ước tính theo khả năng có thể thu hồi được, theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC

Ngoài các khoản mục trên, Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá lại vào ngày 31/12/2012. Tuy nhiên Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự chênh lệch trọng yếu về giá trị ghi sổ với giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

## **7.2 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

### **a. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, hợp tác kinh doanh, tiền cho vay).

### **b. Phải thu khách hàng**

Năm 2012, Công ty không có hoạt động kinh doanh xuất khẩu, các khoản phải thu khách hàng của Công ty là phải thu khách hàng trong nước.

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng đối với khoản công nợ phải thu khách hàng trong nước bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, các khách hàng truyền thống và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Ngoài ra, công ty vẫn theo dõi, phân tích tuổi nợ và khả năng có thể thu hồi được của các khoản công nợ phải thu khách hàng, để trích lập dự phòng đối với các công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán (nếu có).

### **c. Phải thu khác**

Ban Giám Đốc của Công ty thường xuyên theo dõi, cập nhật công nợ, đơn đốc thu hồi nợ để giảm thiểu rủi ro tín dụng của các khoản công nợ phải thu khác, đánh giá khả năng có thể thu hồi được và trích lập dự phòng đối với những khoản công nợ không có khả năng thu hồi.

Trong năm 2012, Công ty không phát sinh thêm khoản trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi.

### **d. Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp (xem thuyết minh V.1).

### **e. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Từ 1 đến 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>			
Vay và nợ (*)	68.760.000.000		68.760.000.000
Phải trả cho người bán	9.718.417.810		9.718.417.810
Phải trả khác và các khoản trích trước	1.115.712.154	100.000.000	1.215.712.154
<b>Cộng</b>	<b>79.594.129.964</b>	<b>100.000.000</b>	<b>79.694.129.964</b>
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>			
Vay và nợ (*)	7.625.000.000	50.000.000.000	57.625.000.000
Phải trả cho người bán	6.351.591.100		6.351.591.100
Phải trả khác và các khoản trích trước	2.730.773.502	100.000.000	2.830.773.502
<b>Cộng</b>	<b>16.707.364.602</b>	<b>50.100.000.000</b>	<b>66.807.364.602</b>

(\*): Trong khoản vay và nợ của Công ty có bao gồm 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng) trị giá của 50.000 (năm mươi ngàn) trái phiếu chuyển đổi.

Ngày 17/01/2013, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển đổi 50.000 (năm mươi ngàn) trái phiếu chuyển đổi thành 5.000.000 (năm triệu) cổ phiếu và các thủ tục niêm yết bổ sung, lưu ký các cổ phiếu này, nâng tổng vốn điều lệ của Công ty lên thành 144.844.680.000 VND.

**f. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng lưu chuyển tiền tệ trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có 4 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích về độ nhạy dưới đây được trình bày trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

**g. Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro ngoại tệ của Công ty được đánh giá là không đáng kể do Công ty hầu như không có các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ cũng như các khoản mục có gốc tiền tệ cuối kỳ.

**h. Độ nhạy đối với ngoại tệ**

Trong năm 2012, tỷ giá hối đoái của đồng Việt Nam so với đồng Đô la Mỹ không có sự biến động lớn và Công ty cũng không có rủi ro về ngoại tệ nên Công ty không phân tích chỉ tiêu này.

**i. Rủi ro về lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, vay và nợ.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình. Ngoài ra, Ban Giám đốc Công ty chưa áp dụng thêm bất kỳ biện pháp nào để quản lý rủi ro về lãi suất.



**j. Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Năm 2012, vấn đề này không ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty.

**7.3 Những thông tin khác**

**a. Thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh**

Năm 2012, Công ty đã thanh lý gần hết danh mục đầu tư chứng khoán ngắn hạn của mình, hoàn nhập dự phòng do bán khoản đầu tư chứng khoán số tiền 15.689.478.340 đồng. Công ty cũng được chia cổ tức từ các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và đầu tư tài chính dài hạn với số tiền lần lượt là 1.968.065.650 đồng và 1.000.000.000 đồng

**b. Thông tin về thay đổi các chính sách kế toán**

Trong năm 2012, Công ty có áp dụng các chính sách kế toán mới ban hành năm 2012 theo quy định hiện hành sau:

- Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 do Bộ Tài Chính ban hành quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp
- Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 do Bộ Tài Chính ban hành Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008, Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

**7.4 Số liệu so sánh:**

Số liệu so sánh là số liệu đầu kỳ trên báo cáo tài chính năm 2011 của đơn vị đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH DV TV Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Nam Việt. Số liệu này được chuyển qua và được phân loại lại cho phù hợp với các điều chỉnh hồi tố.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2013

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

---

*(Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính)*

